

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số:31/2019/HS-ST

Ngày 13/5/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Thế Hanh

Ông Lê Thanh Miện

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoan- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HS ngày 18/ 4/ 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn M** -sinh 11/4/1994; Giới tính: Nam; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: thôn Q T, xã H S, huyện H H, tỉnh Bắc Giang.; Nghề nghiệp: Lái xe;Trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;Con ông: Nguyễn Hữu T- sinh năm 1967,Con bà: Hoàng Thị H- sinh năm 1971, Vợ: Nguyễn Thị D- sinh năm 1998(đã ly hôn) Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016, Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con út.Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo:Bà Thân Thị Thúy V chợ giúp viên pháp lý trung tâm chợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang; Vắng mặt

Bị hại: Chị Nguyễn Thị D, sinh 08/6/ 1998; có mặt

Địa chỉ; thôn Q T, xã H S, huyện H H, tỉnh Bắc Giang.

Người làm chứng

Ông Nguyễn Xuân H sinh năm 1965có mặt

Bà Hoàng Thị H sinh năm 1971có mặt

Đều ở: thôn Q T, xã H S, huyện H H, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn M- sinh ngày 11/4/1994 và Nguyễn Thị D- sinh ngày 08/6/1998 ở cùng thôn Q T, xã H S, huyện H H, tỉnh Bắc Giang nên quen biết nên đã nảy sinh tình cảm yêu nhau từ khoảng đầu năm 2013. Trong quá trình yêu nhau M và chị D đã tự nguyện quan hệ tình dục với nhau nhiều lần tại nhà ở của M và ở một số nhà nghỉ trên địa bàn huyện Hiệp Hòa. Đến khoảng tháng 9 năm 2013, chị D phát hiện có thai và đến Bệnh viện đa khoa huyện Hiệp Hòa khám, được biết chị D đã có thai khoảng 05 tháng. M và chị D đều xác nhận anh và chị quan hệ tình dục với nhau dẫn đến chị D có thai. Khoảng 01 tháng sau hai gia đình nói chuyện và cho chị D về nhà

M sinh sống như vợ chồng. Đến ngày 16/02/2014 chị D sinh cháu Nguyễn Vy H, và sau đó sinh cháu Nguyễn Quốc C ngày 11/02/2016. Ngày 14/6/2016 M và chị D làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Sơn. Trong quá trình chung sống, giữa M và chị D phát sinh mâu thuẫn nên tháng 5 năm 2018 có đơn xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết ly hôn, căn cứ và các tài liệu thu thập được xác định Nguyễn Văn M là người đã thành niên có quan hệ tình dục với chị D khi chị D 15 tuổi dẫn đến chị D có thai và sinh cháu Nguyễn Vy H, có dấu hiệu của tội “Giao cấu với trẻ em”. Vì vậy cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đã khởi tố vụ án hình sự và khởi tố bị can.

Tại kết luận giám định ADN số 241/18/TC-ADN Ngày 28/11/2018 của Viện pháp y Quốc gia kết luận: Anh Nguyễn Văn M có quan hệ huyết thống cha- con với cháu Nguyễn Vy H, độ tin cậy 99,99999% và kết luận giám định ADN số 21/19/TC-ADN ngày 08/01/2019 của Viện pháp y Quốc gia kết luận: Chị Nguyễn Thị D có quan hệ huyết thống mẹ-con với Nguyễn Vy H, độ tin cậy 99,99999%.

Tại Cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay Nguyễn Văn M đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Trong quá trình điều tra, truy tố, M đã tự nguyện bồi thường cho chị D 20.000.000đ.

Tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra chị D trình bày; chị và M là người cùng thôn quen biết nhau và nảy sinh tình cảm yêu nhau từ đầu năm 2013, ngày chị không nhớ khi đi đám cưới chị và M gặp nhau sau đó cùng nhau về nhà M. Tại nhà M chị và M đã quan hệ tình dục với nhau. Sau đó vài hôm M lại hẹn cho nên chị và M lại quan hệ tình dục với nhau nhiều lần ở nhiều nơi trên địa bàn huyện Hiệp Hòa nay không nhớ rõ. Đến tháng 9 năm 2013, chị phát hiện có thai và M đưa chị đến Bệnh viện đa khoa huyện Hiệp Hòa khám, được biết chị đã có thai khoảng 05 tháng. Khoảng 01 tháng sau hai gia đình nói chuyện và cho chị về nhà M sinh sống như vợ chồng. Đến ngày 16/02/2014, chị sinh cháu Nguyễn Vy H, đến ngày 11/02/2016 thì sinh cháu Nguyễn Quốc C. Ngày 14/6/2016 M và chị D làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Sơn. Sau đó giữa M và chị D phát sinh mâu thuẫn nên đến tháng 5 năm 2018 có đơn xin ly hôn tại Tòa án huyện Hiệp Hòa. Sau khi bị cơ quan điều tra khởi tố bị can. M đã tự nguyện bồi thường cho chị được 20.000.000đ chị đã có đơn đề nghị không xử lý hình sự đối với Nguyễn Văn M và không yêu cầu bồi thường.

Tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra ông H, bà H đều xác định do M và chị D yêu nhau nên đã có thai vì vậy hai gia đình đã để M và D chung sống với nhau như vợ chồng, đến ngày 16/02/2014, chị D sinh cháu Nguyễn Vy H và sau đó ngày 11/02/2016 sinh cháu Nguyễn Quốc C. nay ông H, bà H đều đề nghị giảm nhẹ cho M vì không hiểu biết về pháp luật hơn nữa đề M có điều kiện chăm sóc con và gia đình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố bị cáo M về tội : “Giao cấu với trẻ em” được quy định tại điểm a, d Khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Giao cấu với trẻ em” và đề nghị HĐXX

Căn cứ điểm a, d Khoản 2 Điều 115, điểm b, p Khoản 1 khoản 2 Điều 46 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; đối với bị cáo Nguyễn Văn M; Xử phạt; Nguyễn Văn M; 36 tháng tù về tội “Giao cấu với trẻ em” nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Văn M cho Ủy ban

nhân dân xã Hòa Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Về án phí: do gia đình bị cáo M là hộ nghèo ở địa phương vì vậy áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí tòa án; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo M

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện cơ bản theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

[2]. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại Cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Nguyễn Văn M- sinh ngày 11/4/1994 và Nguyễn Thị D- sinh ngày 08/6/1998 ở cùng thôn quen biết nhau nên đã nảy sinh tình cảm yêu nhau từ đầu năm 2013. M và chị D đã tự nguyện quan hệ tình dục với nhau nhiều lần tại nhà ở của M và ở một số nhà nghỉ trên địa bàn huyện Hiệp Hòa lúc đó chị D chưa đến 16 tuổi. Đến tháng 9 năm 2013 khi chị D phát hiện có thai thì thai nhi đã được 05 tháng. M và chị D đều xác nhận anh và chị quan hệ tình dục với nhau dẫn đến chị D có thai. Khoảng 01 tháng sau hai gia đình nói chuyện và cho chị D về nhà M sinh sống như vợ chồng. Đến ngày 16/02/2014 chị D sinh cháu Nguyễn Vy H lúc này chị D vẫn chưa đủ 16 tuổi. Do Nguyễn Văn M là người đã thành niên có quan hệ tình dục với chị D nhiều lần khi chị D chưa đủ 16 tuổi dẫn đến chị D có thai và sinh cháu Nguyễn Vy H. Tại kết luận giám định ADN số 241/18/TC-ADN Ngày 28/11/2018 của Viện pháp y Quốc gia kết luận: Anh Nguyễn Văn M có quan hệ huyết thống cha- con với cháu Nguyễn Vy H, độ tin cậy 99,99999% và kết luận giám định ADN số 21/19/TC-ADN ngày 08/01/2019 của Viện pháp y Quốc gia kết luận: Chị Nguyễn Thị D có quan hệ huyết thống mẹ-con với Nguyễn Vy H, độ tin cậy 99,99999%. Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị D quan hệ tình dục với nhau từ đầu năm 2013 cho đến khi chị D đủ 16 tuổi và chị D sinh cháu Nguyễn Vy H ngày 16/02/2014 khi Bộ luật hình sự 2015 chưa có hiệu lực pháp luật hơn nữa theo quy định tại điều 7 BLHS 2015, Nghị quyết 109 và nghị quyết 144 của Quốc hội thì Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa truy tố bị cáo M theo điểm a, d khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999 là phù hợp với quy định của pháp luật. Người bào chữa cho bị cáo cũng xác định bị cáo M phạm tội “Giao cấu với trẻ em” được quy định tại điểm a, d Khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999. Như vậy Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận Nguyễn Văn M phạm tội: “Giao cấu với trẻ em” được quy định tại điểm a, d Khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999(được sửa đổi năm 2009).

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại,

khắc phục hậu quả và khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến sự phát triển bình thường về tình dục đối với người dưới 16 tuổi. Làm mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang dao động và bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải xử lý hình sự đối với bị cáo để giáo dục riêng và góp phần ngăn ngừa chung. Xong xét thấy sau khi phạm tội bị cáo đã khai báo thành khẩn biết ăn năn hối cải hơn nữa do nhận thức về pháp luật của bị cáo còn hạn chế cho nên sau khi phạm tội bị cáo đã đưa chị D về chung sống với nhau như vợ chồng đã 5 năm và chị D cũng có đơn đề nghị xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bản thân bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo ở địa phương, hơn nữa một mình bị cáo phải nuôi hai con nhỏ, bố bị cáo bị tai nạn giao thông nhiều năm mất khả năng lao động, mẹ bị cáo tuy chưa hết tuổi lao động nhưng sức khỏe yếu thường xuyên ốm đau. Toàn bộ cuộc sống của gia đình hoàn toàn phụ thuộc vào khả năng lao động và thu nhập của bị cáo. Hơn nữa sự việc xảy ra đã lâu mức độ ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội phần nào được hạn chế. Vì vậy cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần đáng kể khi lượng hình. Người bào chữa cho bị cáo và đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng đảm bảo giáo dục riêng và góp phần ngăn ngừa chung.

Về dân sự: bị hại đã được bồi thường không yêu cầu cho nên không xem xét.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa đề nghị xử phạt Nguyễn Văn M 36 tháng tù và đề nghị cho hưởng án treo là phù hợp cần chấp nhận. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị xử phạt bị cáo Mạnh 2 năm tù xét thấy mức hình phạt mà Người bào chữa cho bị cáo đề nghị là hơi thấp cho nên không thể chấp nhận được mà cần xử bị cáo với mức án cao hơn. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị cho hưởng án treo là phù hợp cần chấp nhận.

Về án phí: Do bị cáo thuộc hộ nghèo ở địa phương cho nên cần áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí tòa án; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo M

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội : “Giao cấu với trẻ em”

Căn cứ vào Điều 7 Bộ luật hình sự 2015, điểm b khoản 1 Điều 1 nghị quyết 109/2015/QH13 và điểm a, b khoản 4 Điều 1 nghị quyết 144/2016/QH13 của Quốc hội, điểm a, d khoản 2 Điều 115, điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999(sửa đổi năm 2009), các Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; đối với bị cáo Nguyễn Văn M; Xử phạt;

Nguyễn Văn M; 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “Giao cấu với trẻ em” nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn M cho Ủy ban nhân dân xã Hòa Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc

người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại điều 56 Bộ luật hình sự

Về án phí: Miễn áp phí hình sự sơ thẩm cho Nguyễn Văn M

Báo cho bị cáo, bị hại có mặt biết quyền được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- THADS huyện Hiệp Hòa;
- Công an huyện Hiệp Hòa;
- Bị cáo, Đương sự
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hà Văn Vinh